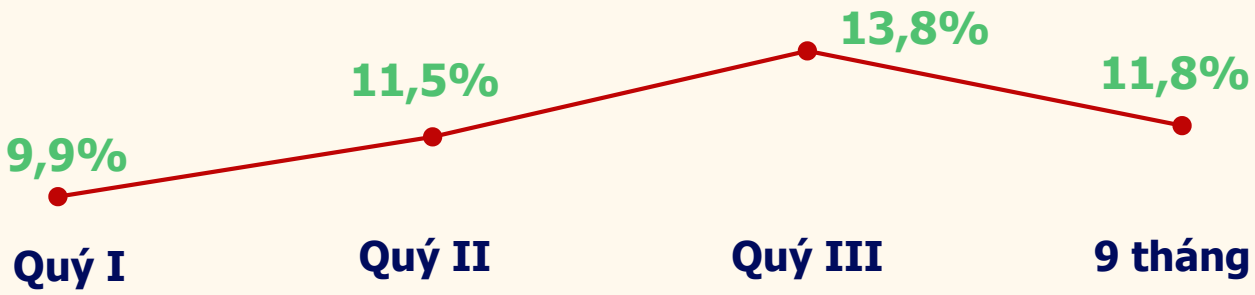
THỐNG KÊ TỈNH BẮC NINH

TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI

THÁNG 9 NĂM 2026

TỐC ĐỘ TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ THEO QUÝ 2026



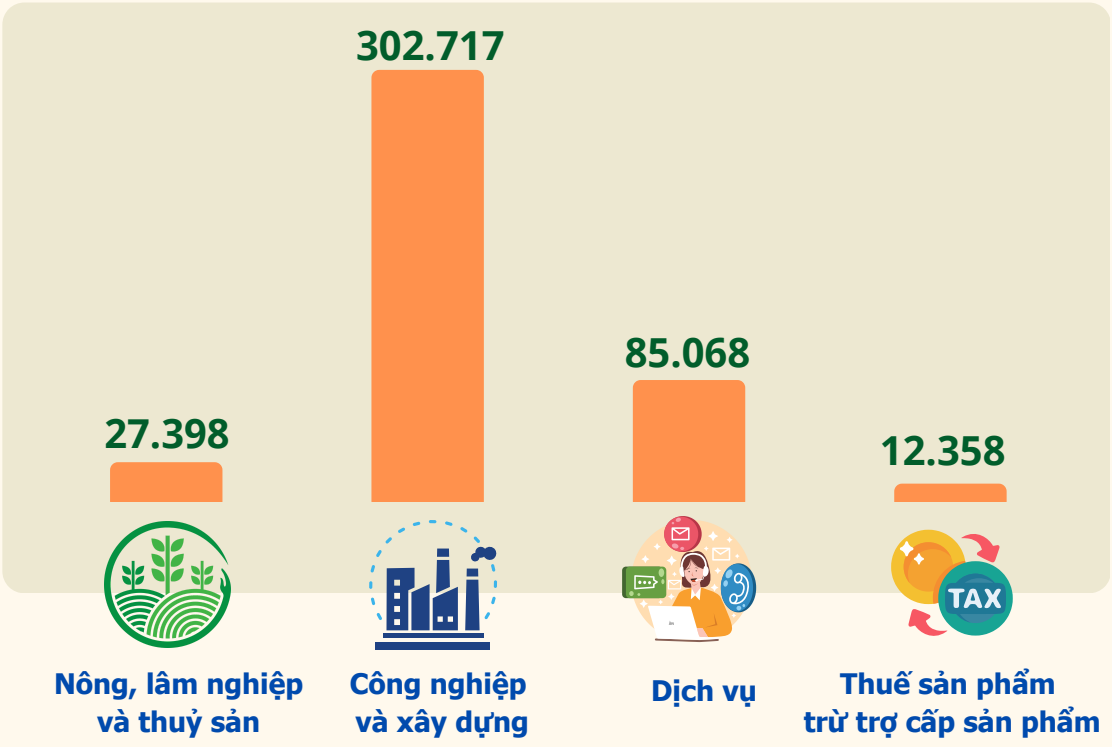
Tốc độ tăng/giảm GRDP theo quý (%)

QUY MÔ GRDP THEO GIÁ HIỆN HÀNH

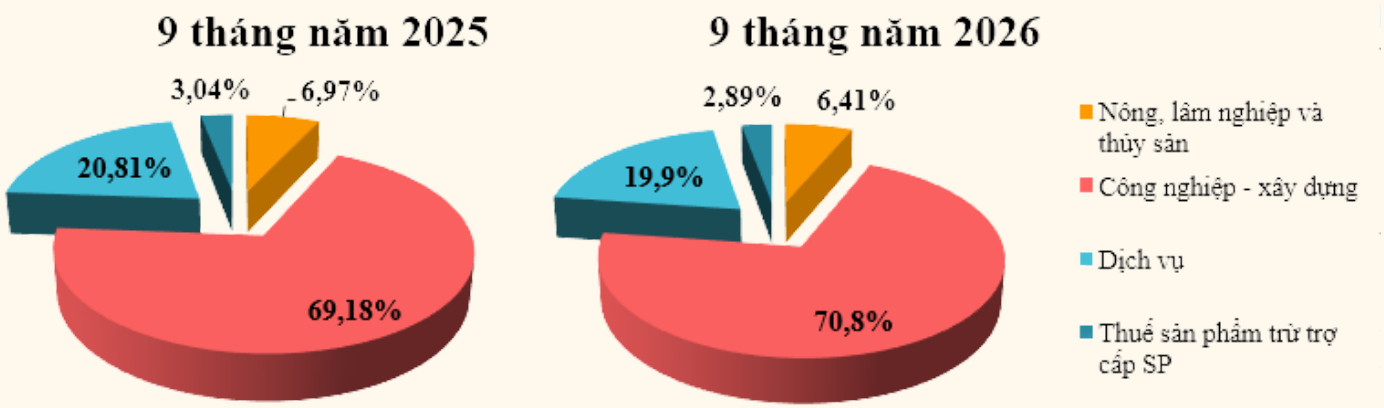
9 tháng năm 2026

427.541

ĐVT: Tỷ đồng



Cơ cấu GRDP theo khu vực kinh tế



NÔNG, LÂM NGHIỆP VÀ THỦY SẢN

NÔNG NGHIỆP

(9 tháng năm 2026 so với cùng kỳ)



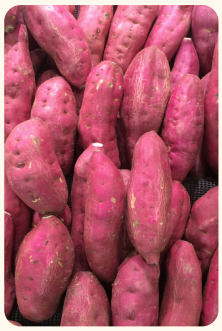
DIỆN TÍCH GIEO CẤY
144.971,5 Ha
▼3,4%

▲ 1,9 %



Ngô
11.565
Ha

▼ 2,5 %



Khoai lang
3.014,9
Ha

▼ 4,5 %



Lạc
7.410,2
Ha

▼ 5 %



Rau các loại khác
34.762,1
Ha

Số lượng đàn gia súc, gia cầm
(Thời điểm 30/09/2026)

Đàn trâu



24.132 Con ▼ 4,3 %

Đàn bò



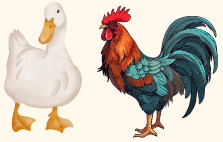
95.120 Con ▼ 5 %

Đàn lợn



1,19 Triệu con ▲ 4 %

Đàn gia cầm



28,32 Triệu con ▲ 4,4 %

SẢN LƯỢNG THỦY SẢN
(9 tháng năm 2026 so với cùng kỳ)

74.965,1 Tấn ▲ **2,2 %**

Sản lượng cá
74.746 Tấn ▲ **2,2 %**

Sản lượng tôm
78,6 Tấn = **100 %**



DIỆN TÍCH RỪNG TRỒNG MỚI TẬP TRUNG
(7 tháng năm 2026 so với cùng kỳ)

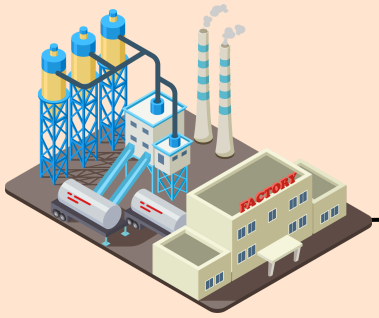
10.382 Ha ▲ **1,5 %**

Số lượng cây phân tán
4,7 Triệu cây ▲ **1,7 %**

Khai thác gỗ
1.019,3 1000 M3 ▲ **1,6 %**

SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP

CHỈ SỐ SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP
(9 tháng năm 2026 so với cùng kỳ)



TOÀN NGÀNH CÔNG NGHIỆP	Công nghiệp khai khoáng	Chế biến chế tạo	Sản xuất và phân phối điện	Cung cấp nước, xử lý rác thải, nước thải
▲ 20,16%	▼ 2,06%	▲ 20,26%	▲ 12,07%	▲ 23,5%

SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP CHỦ YẾU
(9 tháng năm 2026 so với cùng kỳ)

THỨC ĂN GIA SÚC	URE	THIẾT BỊ BÁN DẪN	
▼2,8%	▲39,9%	▲210,3%	
552,3 Nghìn tấn	365,1 Nghìn tấn	579,1 Triệu chiếc	
MẠCH IN KHÁC	THIẾT BỊ NGOẠI VI	ĐIỆN THOẠI THÔNG MINH TỪ 3-6 TRIỆU	
▲39,6%	▲44,4%	▲49,3%	
757,4 Triệu chiếc	665,8 Triệu cái	10.925 Nghìn cái	
ĐỒNG HỒ THÔNG MINH TỪ 6-10 TRIỆU	TAI NGHE NỐI MICRO	PHỤ TÙNG XE CÓ ĐỘNG CƠ	
▲22,2%	▲54,7%	▲23,6%	
6.010 Nghìn cái	137,5 Triệu cái	48,1 Triệu cái	

VỐN ĐẦU TƯ VÀ ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP

VỐN ĐẦU TƯ

9 tháng năm 2026 so với cùng kỳ năm trước

Nhà nước	Ngoài Nhà nước	Đầu tư nước ngoài
15.619 Tỷ đồng	41.774 Tỷ đồng	70.202 Tỷ đồng
▲28,6%	▲28,6%	▲28,6%

TỔNG VỐN ĐẦU TƯ THỰC HIỆN TRÊN ĐỊA BÀN

127.595 Tỷ đồng

▲ 15,6%

THU HÚT ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI

9 tháng năm 2026

TỔNG VỐN FDI VÀO BẮC NINH	18,72 Tỷ USD

Lũy kế 09 tháng đạt 18,72 tỷ USD. Trong đó, cấp mới 170 dự án trong nước, vốn đăng ký 350.684,7 tỷ đồng và 264 dự án FDI, vốn đăng ký 1.677,1 triệu USD; điều chỉnh tăng vốn cho 93 dự án đầu tư trong nước với số vốn bổ sung 25.270,1 tỷ đồng và 219 dự án FDI, vốn đăng ký tăng thêm là 2.300,6 triệu USD.

ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP

9 tháng năm 2026

6.367 doanh nghiệp

DN đăng kí thành lập mới

TỔNG VỐN ĐĂNG KÝ

106.416 Tỷ đồng



TỔNG MỨC BÁN LẺ HÀNG HÓA VÀ DOANH THU DỊCH VỤ TIÊU DÙNG







TỔNG MỨC BÁN LẺ HÀNG HÓA VÀ DOANH THU DỊCH VỤ TIÊU DÙNG

150.771,5 Tỷ đồng ▲ **20,9%**

9 tháng năm 2026 so với cùng kỳ năm trước, trong đó:



BÁN LẺ HÀNG HÓA

88.816,4 Tỷ đồng ▲ **19,9%**



DỊCH VỤ LƯU TRÚ, ĂN UỐNG

17.861,8 Tỷ đồng ▲ **23%**



DU LỊCH LỮ HÀNH

793,4 Tỷ đồng ▲ **55,3%**



DỊCH VỤ KHÁC

43.299,9 Tỷ đồng ▲ **21,6%**

VẬN TẢI

(9 tháng năm 2026 so với cùng kỳ)

▲22,2%



4.310,8 Tỷ đồng

Vận tải hành khách

▲24,6%



15.131,2 Tỷ đồng

Vận tải hàng hóa



▲24,5%



7.990,8 Tỷ đồng

Dịch vụ hỗ trợ vận tải

27.712,9 Tỷ đồng ▲ 24,1%

DOANH THU VẬN TẢI

▲19,9%



280,1 Tỷ đồng

Bưu chính chuyển phát

VẬN TẢI HÀNH KHÁCH

73,6 triệu lượt HK ▲14,5%



3.006,7 triệu lượt HK.km ▲17,7%

VẬN CHUYỂN

LUÂN CHUYỂN

VẬN TẢI HÀNG HÓA

142,3 triệu tấn HH ▲14,5%



4.673,6 triệu tấn.km ▲17,6%

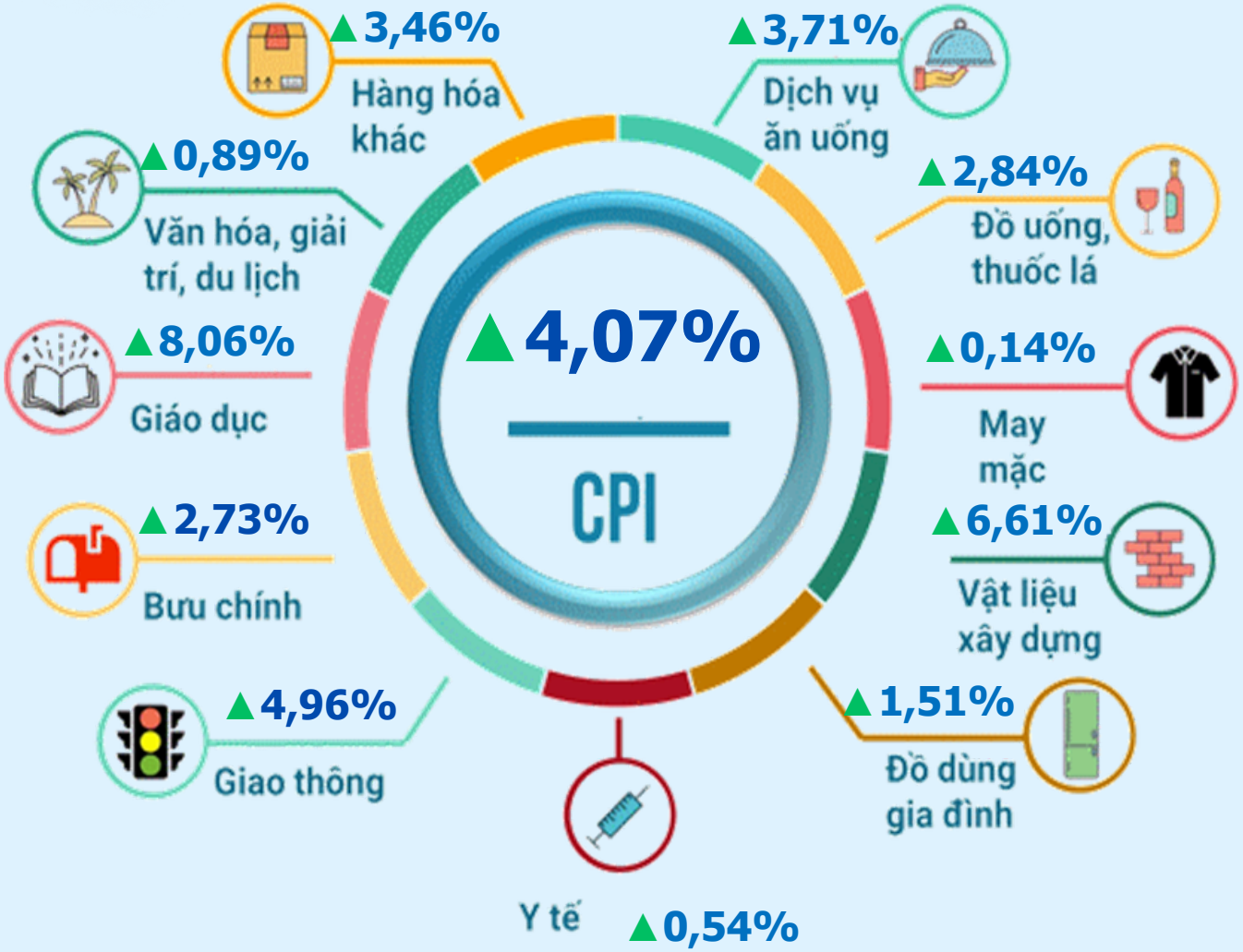
SẢN LƯỢNG VẬN TẢI



CHỈ SỐ GIÁ

Nhìn chung, thị trường hàng hóa tiêu dùng trên địa bàn Thành phố trong tháng 9/2026 cơ bản ổn định, nguồn cung hàng hóa được duy trì, song mặt bằng giá tiêu dùng tiếp tục tăng, với Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tăng 1,02% so với tháng trước, tăng 4,92% so với cùng kỳ năm trước và tăng 4,60% so với tháng 12/2025. Bình quân quý III/2026, CPI tăng 4,66% so với cùng kỳ năm 2025; tính chung 9 tháng năm 2026, CPI tăng 4,07%.

CHỈ SỐ GIÁ TIÊU DÙNG bình quân 9 tháng năm 2026 so với cùng kỳ





Chỉ số giá vàng

BQ 9 tháng năm 2026 so với 9 tháng năm 2025 ▲ 39,85%

Chỉ số giá Đô la Mỹ

BQ 9 tháng năm 2026 so với 9 tháng năm 2025 ▲ 0,59%





MỘT SỐ CHỈ TIÊU XÃ HỘI

Y TẾ

Công tác khám, chữa bệnh tháng 9 năm 2026

373.986 lượt

Khám chữa bệnh

52.538 lượt

Điều trị nội trú

Hoạt động khám sức khoẻ định kỳ, khám sàng lọc miễn phí cho người dân

2.412.890 người



67,5%

Tai nạn giao thông | **392 vụ** ▼15,1%

(9 tháng năm 2026 so với cùng kỳ)



237 người ▼20,4%



Người chết

174 người ▼29,5%



Người bị thương

Vi phạm môi trường | Phát hiện **285** vụ

(9 tháng năm 2026 so với cùng kỳ)



291 vụ



Xử lý

23,5 tỷ đồng ▼226,1%



Nộp phạt

Tình hình Cháy, nổ



Tháng 9

5 vụ

Thiệt hại tài sản **231,5** Trđ

9 tháng

51 vụ ▼10,5%



0204.3854.373

https://thongkebacninh.nso.gov.vn

Nguyễn Thị Lưu, P.Bắc Giang, Bắc Ninh

Tình hình Kinh tế - xã hội tỉnh Bắc Ninh Tháng 9 năm 2026

Phòng Tổng hợp, Thống kê tỉnh Bắc Ninh biên tập